**BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM MÔN ĐỊA LÍ LỚP 12 BÀI 18:**

**ĐÔ THỊ HÓA**

**Câu 1:**  Ảnh hướng lớn nhất của đô thị hóa tới sự phát triển kinh tế là

**A.** Mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa

**B.** Tăng tỉ lệ lực lượng lao động có chuyên môn kĩ thuật

**C.** Tác động tới quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế

**D.** Tăng cường thu hút đầu tư cơ cấu kinh tế

**Câu 2:**  Năm đô thị trực thuộc Trung ương của nước ta là:

**A.** Hà Nội. TP. Hồ Chí Minh, Huế, Hải Phòng , Đà nẵng

**B.** Hà Nội. TP. Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Huế, Cần Thơ

**C.** Hà Nội. TP. Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ

**D.** Hà Nội. TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ, Bình Dương

**Câu 3:**  Tại sao Đông Nam Bộ là vùng có tỉ lệ dân số thành thị cao nhất nước ta?

**A.** Có dân số đông nhất cả nước.

**B.** Có kinh tế phát triển nhất cả nước.

**C.**   Số lượng đô thị nhiều nhất cả nước.

**D.**   Tỉ lệ gia tăng dân số tăng cao nhất cả nước.

**Câu 4:**  Đô thị có diện tích lớn nhất nước ta hiện nay

**A.** Hà Nội **B.** TP Hồ Chí Minh **C.** Hải Phòng **D.** Đà Nẵng

**Câu 5:**  Vùng có số dân đô thị nhiều nhất nước ta là

**A.** Đồng bằng sông Hồng **B.** Đông Nam Bộ

**C.** Duyên hải Nam Trung Bộ **D.** Đồng bằng sông Cửu Long

**Câu 6:**  Nguyên nhân làm cho quá trình đô thị hóa tạo ra nhiều tác động tiêu cực là do:

**A.** Dân nông thôn kéo lên thành phố

**B.** Đô thị hóa không xuất phát từ công nghiệp hóa

**C.** Cơ chế thị trường tác động

**D.** Đời sống nhân dân ngày càng cao

**Câu 7:**  Tỉ lệ dân số đô thị chiếm chưa đến 1/3 dân số nước ta đã chứng tỏ

**A.** nền nông nghiệp phát triển mạnh mẽ thu hút nhiều lao động.

**B.** điều kiện sống ở nông thôn được cải thiện đáng kể.

**C.** hầu hết các đô thị ở nước ta có quy mô nhỏ.

**D.** quá trình đô thị hóa diễn ra chậm.

**Câu 8:**  Căn cứ vào atlat địa lí Việt Nam trang 15, số lượng đô thị loại đặc biệt ( năm 2007) ở nước ta là

**A.** 2 **B.** 3 **C.** 4 **D.** 5

**Câu 9:**  Tỉnh ở miền Trung có hai thành phố là:

**A.** Thanh Hóa **B.** Quảng Nam **C.** Nghệ An **D.** Khánh Hòa

**Câu 10:**  Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, hãy cho biết các đô thị nào sau đây là đô thị đặc biệt ở nước ta?

**A.** Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh. **B.** Hà Nội, Cần Thơ.

**C.** TP. Hồ Chí Minh, Hải Phòng. **D.** TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng.

**Câu 11:**  Quá trình đô thị hoá diễn ra mạnh mẽ nhất ở nước ta trong thời kì

**A.** Pháp thuộc.

**B.** 1954 – 1975.

**C.** 1975 –1986.

**D.** 1986 đến nay.

**Câu 12:**  Nguyên nhân làm cho quá trình đô thị hóa của nước ta phát triển hiện nay là do:

**A.** Nền kinh tế thị trường

**B.** Thu hút nhiều đầu tư nước ngoài

**C.** Nước ta hội nhập quốc tế và khu vực

**D.** Quá trình công nghiệp hóa đang được đẩy mạnh

**Câu 13:**  Phần lớn dân cư nước ta hiện sống ở nông thôn do

**A.** Nông nghiệp hiện là ngành kinh tế phát triển nhất

**B.** Điều kiện sống ở nông thôn cao hơn thành thị

**C.** Quá trình đô thị hóa diễn ra chậm

**D.** Có sự di dân từ thành thị vè nông thôn

**Câu 14:**  Vùng có số lượng thị trấn nhiều nhất nước ta là:

**A.** Đồng bằng sông Cửu Long **B.** Tây Nguyên

**C.** Duyên hải Nam Trung Bộ **D.** Trung du và miền núi Bắc Bộ

**Câu 15:**  Căn cứ vào atlat địa lí Việt Nam trang 15, đô thị nào dưới đây có quy mô dân số ( năm 2007) dưới 500 nghìn người?

**A.** Đà Nẵng **B.** Cần Thơ **C.** Biên Hòa **D.** Hạ Long

**Câu 16:**  Vùng có số dân thành thị đông nhất nước ta là:

**A.** Đồng bằng sông Cửu Long **B.** Đồng bằng sông Hồng

**C.** Đông Nam Bộ **D.** Trung du và miền núi Bắc Bộ

**Câu 17:**  Dựa vào Atlát trang 15, cho biết thành phố Buôn Ma Thuột là đô thị loại:

**A.** 2 **B.** 3 **C.** 4 **D.** 5

**Câu 18:**  Quá trình đô thị hoá của nước ta 1954 – 1975 có đặc điểm

**A.** phát triển rất mạnh trên cả hai miền.

**B.**  hai miền phát triển theo hai xu hướng khác nhau.

**C.** quá trình đô thị hoá bị chựng lại do chiến tranh.

**D.** miền Bắc phát triển nhanh trong khi miền Nam bị chựng lại.

**Câu 19:**  Nhược điểm lớn của đô thị nước ta làm hạn chế khả năng đầu tư phát triển kinh tế

**A.** có quy mô, diện tích và dân số không lớn.

**B.** phân tán về không gian địa lí.

**C.** phân bố không đồng đều giữa các vùng.

**D.** nếp sống xen lẫn giữa thành thị và nông thôn.

**Câu 20:**  Loại đô thị có số lượng nhiều nhất hiện nay ở nước ta là:

**A.** Thành phố **B.** Thị Xã **C.** Thị trấn **D.** Cả A và B

**Câu 21:**  Căn cứ vào Atlat Địa Lí Việt Nam trang 15, nếu chỉ xét số lượng đô thị loại hai ( năm 2007) thì vùng có ít nhất là

**A.** Trung du và miền núi Bắc Bộ **B.** Đồng bằng sông Hồng

**C.** Đồng bằng sông Cửu Long **D.** Tây Nguyên

**Câu 22:**  So với các nước trong khu vực và thế giới, nhìn chung cơ sở hạ tầng của các đô thị nước ta ở vào

**A.** Cao **B.** Khá cao **C.** Trung bình **D.** Thấp

**Câu 23:**  Đặc điểm đô thị hoá ở nước ta là:

**A.** Trình độ đô thị hoá thấp. **B.** Tỉ lệ dân thành thị giảm.

**C.** Phân bố đô thị đều giữa các vùng. **D.** Quá trình đô thị hoá diễn ra nhanh.

**Câu 24:**  Đặc điểm nào sau đây không phải là tác động tích cực của quá trình đô thị hóa:

**A.** Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế **B.** An ninh trật tự xã hội khó kiểm soát

**C.** Tạo nhiều việc làm và thu nhập **D.** Thu hút đầu tư lớn

**Câu 25:**  Vùng có số lượng đô thị nhiều nhất nước ta là:

**A.** Trung du và miền núi Bắc Bộ **B.** Tây Nguyên

**C.** Đông Nam Bộ **D.** Đồng bằng sông Hồng

**Câu 26:**  Đô thị hóa ở nước ta có đặc điểm gì

**A.** Trình độ đô thị hóa thấp **B.** Tỉ lệ dân thành thị giảm

**C.** Phân bố đô thị đều giữa các vùng **D.** Quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh

**Câu 27:**  So với các nước trong khu vực, tỉ lệ dân số đô thị của nước ta ở mức:

**A.** Cao **B.** Trung bình **C.** Thấp **D.** Rất thấp

**Câu 28:**  Để giảm bớt tình trạng di dân tự do vào các đô thị, giải pháp chủ yếu và lâu dài là

**A.** Phát triển và mở rộng hệ mạng lưới đô thị

**B.** Giảm tỉ suất gia tăng dân số ở nông thôn

**C.** Kiểm soát việc nhập hộ khẩu của dân nông thôn về thành phố

**D.** Xây dựng nông thôn mới, đa dạng hóa hoạt động kinh tế ở nông thôn

**Câu 29:**  Cho bảng số liệu:

Số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị trong dân số cả nước, giai đoạn 1979 - 2014

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Năm | Số dân thành thị (triệu người) | Tỉ lệ dân thành thị (%) |
| 1979 | 10,1 | 19,2 |
| 1989 | 12,5 | 19,4 |
| 1999 | 18,8 | 23,7 |
| 2014 | 30,0 | 33,1 |

Để thể hiện số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

**A.** Biểu đồ miền **B.** Biểu đồ cột

**C.** Biểu đồ tròn **D.** Biểu đồ kết hợp cột và đường

**Câu 30:**  Tác động lớn nhất của đô thị hoá đến phát triển kinh tế của nước ta là

**A.** tạo ra nhiều việc làm cho nhân dân.

**B.** tăng cường cơ sở vật chất kĩ thuật.

**C.** tạo ra sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

**D.** thúc đẩy công nghiệp và dịch vụ phát triển.

**Câu 31:**  Dân cư tập trung đông đúc ở Đồng bằng sông Hồng không phải là do

**A.** Trồng lúa nước cần nhiều lao động.

**B.** Vùng mới được khai thác gần đây.

**C.** Có nhiều trung tâm công nghiệp.

**D.** Có điều kiện thuận lợi cho sản xuất và cư trú.

**Câu 32:**  Vùng có số lượng đô thị ít nhất nước ta là:

**A.** Trung du và miền núi Bắc Bộ **B.** Tây Nguyên

**C.** Đông Nam Bộ **D.** Đồng bằng sông Hồng

**Câu 33:**  Căn cứ vào atlat địa lí Việt Nam trang 15, hai đô thị nào dưới đây, có quy mô dân số ( năm 2007) dưới 100 nghìn người ?

**A.** Hải Dương và Hưng Yên **B.** Hưng Yên và Bắc Ninh

**C.** Hung Yên và Phủ Lý **D.** Phủ Lý và Thái Bình

**Câu 34:**  Vùng có số lượng đô thị nhiều nhất nước ta là

**A.** Đồng bằng sông Hồng **B.** Đồng bằng sông Cửu Long’

**C.** Trung du và miền núi Bắc Bộ **D.** Bắc Trung Bộ

**Câu 35:**  Tại sao từ năm 1965 đến năm 1972, quá trình đô thị hóa ở nước ta bị chững lại ?

**A.** Tỉ lệ gia tăng dân số giảm.

**B.** Chính sách thu hút dân thành thị về nông thôn.

**C.** Các đô thị bị chiến tranh phá hoại.

**D.** Chính sách hạn chế di dân tự phát đến thành thị.

**Câu 36:**  Căn cứ vào atlat địa lí Việt Nam trang 15, đô thị có quy mô dân số ( năm 2007) lớn thứ hai ở vùng Đông Nam Bộ là:

**A.** TP Hồ Chí Minh **B.** Thủ Dầu Một

**C.** Vũng Tàu **D.** Biên Hòa

**Câu 37:**  Đặc điểm nào sau đây không đúng với quá trình đô thị hóa nước ta:

**A.** Thời phong kiến, đô thị Việt Nam hình thành ở nơi có vị trí thuận lợi với chức năng hành chính, thương mại, quân sự.

**B.** Thời Pháp thuộc, hệ thống đô thị được mở rộng và tập trung phát triển mạnh.

**C.** Từ 1945-1975, ở miền Bắc đô thị hóa gắn với quá trình công nghiệp hóa trên cơ sở mạng lưới đô thị có từ trước.

**D.** Từ 1975 đến nay, các đô thị phát triển mạnh, các đô thị được mở rộng nhanh hơn, đặc biệt phát triển các đô thị lớn.

**Câu 38:**  Biểu hiện nào sau đây chứng tỏ đô thị hóa của nước ta còn thấp:

**A.** Hệ thống giao thông, điện, nước, môi trường và các công trình phúc lợi xã hội còn thấp so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

**B.** Các vấn đề an ninh trật tự xã hội còn nổi cộm, chưa giải quyết triệt để.

**C.** Số lao động đang đổ xô tự do vào các đô thị để kiếm công ăn việc làm còn lớn.

**D.** Nếp sống đô thị và nông thôn còn xen lẫn vào nhau.

**Câu 39:**  Số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị ở nước ta trong những năm qua có đặc điểm nào dưới đây?

**A.** Số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị đều tăng

**B.** Số dân thành thi tăng nhưng tỉ lệ dân thành thị giảm

**C.** Số dân thành thi giảm nhưng tỉ lệ dân thành thị vẫn tăng

**D.** Số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị đều giảm

**Câu 40:**  Căn cứ vào atlat địa lí Việt Nam trang 15, ba đô thị có quy mô dân số lớn nhất ở nước ta ( năm 2007) là

**A.** Hà Nội, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh **B.** Hà Nội, Biên Hòa, TP. Hồ Chí Minh

**C.** Hải Phòng, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh **D.** Hà Nội, Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh

**Câu 41:**  Ý nào sau đây không phải là tác động của quá trình đô thị hóa tới nền kinh tế nước ta

**A.** Tạo thêm việc làm cho người lao động.

**B.** Tác động đến sự chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế.

**C.** Làm giảm tỉ lệ gia tăng dân số.

**D.** Tỉ lệ dân cư thành thị tăng nhanh.

**Câu 42:**  Nhận định nào dưới đây không đúng?

Đô thị hóa tạo động lực cho sự tăng trưởng và phát triển kinh tế do các đô thị là

**A.** Thị trường tiêu thụ sản phẩm hàng hóa lớn và đa dạng

**B.** Nơi có các trung tâm văn hóa, giáo dục, y tế lớn

**C.** Nơi có động lực lao động đông đảo, được đào tạo chuyên môn kĩ thuật

**D.** Nơi có cơ sở hạ tầng, vật chất kĩ thuật tốt

**Câu 43:**  Quá trình đô thị hóa nảy sinh hậu quả:

**A.** Môi trường bị ô nhiễm **B.** Gia tăng đói nghèo

**C.** Nếp sống văn hóa bị xâm hại **D.** Tài nguyên cạn kiệt

**Câu 44:**  Dựa vào Atlát trang 15, cho biết thành phố nào ở Đông Nam Bộ có quy mô dân số trên 1 triệu người:

**A.** Biên Hòa **B.** Thủ Dầu Một

**C.** Thành phố Hồ Chí Minh **D.** Cả A và C

**Câu 45:**  Dựa vào Atlát trang 15, cho biết Hải Phòng là đô thị loại:

**A.** Đặc biệt **B.** 1 **C.** 2 **D.** 3

**Câu 46:**  Căn cứ vào atlat địa lí Việt Nam trang 15, hai đô thị có quy mô dân số ( năm 2007) lớn nhất ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

**A.** Thái Nguyên, Việt Trì **B.** Thái Nguyên, Hạ Long

**C.** Lạng Sơn, Việt Trì **D.** Việt Trì, Bắc Giang

**Câu 47:**  Thành phố nào sau đây không phải là thành phố trực thuộc trung ương:

**A.** Hà Nội **B.** Hải Phòng **C.** Huế **D.** Cần Thơ

**Câu 48:**  Để giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của đô thị cần

**A.** Hạn chế dòng di dân từ nông thôn vào đô thị

**B.** Ngăn chặn lối sống cư dân nông thôn nhích gần lối sống thành thị

**C.** Giảm bớt tốc độ đô thị hóa

**D.** Tiến hành đô thị hóa xuất phát từ công nghiệp hóa

-----------------------------------------------

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | C | 11 | D | 21 | B | 31 | B | 41 | C |
| 2 | C | 12 | D | 22 | D | 32 | C | 42 | B |
| 3 | B | 13 | B | 23 | A | 33 | C | 43 | A |
| 4 | A | 14 | D | 24 | B | 34 | C | 44 | C |
| 5 | B | 15 | D | 25 | A | 35 | C | 45 | B |
| 6 | B | 16 | C | 26 | A | 36 | D | 46 | B |
| 7 | D | 17 | A | 27 | C | 37 | B | 47 | C |
| 8 | A | 18 | A | 28 | D | 38 | A | 48 | D |
| 9 | B | 19 | C | 29 | D | 39 | A |  |  |
| 10 | A | 20 | C | 30 | C | 40 | D |  |  |